

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày 10 - 6 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vĩnh Phú và ông Vũ Đức Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất V

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn L – C/v: Giám đốc; Địa chỉ: Số 67 đường DX96, tổ 43, khu 6, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Đại diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Dương C, sinh năm: 1995; Địa chỉ: 600 Đại Lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ hiện nay: Số 51 Huỳnh Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Minh T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2016 Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất V (Công ty V) có bán phân cho anh Hoàng Minh T để anh T sử dụng và bán lại cho nhưng cá nhân khác có nhu cầu. Công ty V đã giao số phân bón với số lượng 440 bao, chuẩn loại phân N.P.K phối trộn, đơn giá mỗi bao từ 400.000đ đến 440.000đ/bao, việc mua bán không lập hợp đồng. Ngày 07/7/2019 Công ty V với anh T đối chiếu công nợ, theo Biên bản đối chiếu công nợ thì anh T nợ Công ty V 141.520.000đ tiền gốc, công nợ trả dứt điểm ngày 31/12/2019, do anh T không thực hiện được nên ngày 01/12/2019 có lập biên bản

chốt nợ lại, theo Biên bản này thì anh T nợ Công ty V 141.520.000đ tiền gốc, thời hạn trả ngày 15/01/2020. Tuy nhiên anh T không thực hiện nghĩa vụ, Công ty V đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay vẫn chưa trả số nợ nêu trên.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hoàng Minh T trả Công ty V 141.520.000đ tiền gốc. Về lãi suất quá trình giải quyết yêu cầu 20%/năm, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu trả 10%/năm, thời điểm tính lãi suất tính từ ngày 16/01/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền cả gốc lẫn lãi trả 1 lần.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Năm 2016 tôi có mua phân của Công ty V về sử dụng và bán lẻ, mua không ký kết hợp đồng nên tôi không nhớ số lượng cụ thể, chỉ ghi sổ theo dõi. Ngày 04/7/2019 giữa tôi và Công ty V đối chiếu công nợ, theo Bản đối chiếu công nợ ngày 04/7/2019 tôi nợ 141.520.000đ, hẹn trả vào tháng 12/2019 đến tháng 12/2019 tôi không trả được nên ngày 01/12/2019 tôi với Công ty V có lập lại Biên bản đối chiếu công nợ, theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/12/2019 thì tôi còn nợ Công ty Việt Liên 141.520.000đ tiền gốc, thời hạn trả ngày 15/01/2020 và có thỏa thuận miệng với nhau là tôi vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi suất 2%/tháng nhưng từ khi thỏa thuận đến nay tôi chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào cho công ty V. Vợ tôi là Nguyễn Thị M mất năm 2014, sau khi vợ tôi mất đến năm 2016 tôi mới mua bán phân với Công ty V, tôi không nỡ đại lý, không đăng ký kinh doanh tôi chỉ bán cho người quen. Lý do ghi đại lý T M là thói quen của địa phương, gọi như vậy để phân biệt với T khác.

Nay Công ty V yêu cầu tôi trả 141.520.000đ tiền gốc và lãi suất, thời điểm tính lãi suất tính từ ngày 16/01/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật tôi đồng ý. Nhưng hiện tại khó khăn nên đề nghị Công ty V cho tôi trả làm nhiều đợt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền gốc còn nợ là 141.520.000.00đ, về lãi suất bị đơn đồng ý. Tuy nhiên các bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả. Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 157, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại V đối với anh Hoàng Minh T. Buộc anh Hoàng Minh T phải trả Công ty V số tiền gốc

141.520.000 đồng và 33.829.000 đồng tiền lãi suất; Anh Hoàng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Công ty TNHH Thương mại V tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận có quan hệ mua bán và bị đơn nợ nguyên đơn 141.520.000đ. Tuy nhiên bị đơn vi phạm cam kết trả nợ, nguyên đơn có quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời điểm khởi kiện bị đơn có địa chỉ thường trú tại thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Do vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền gốc là 141.520.000đ nhưng xin trả cho nguyên đơn làm nhiều đợt. Tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu phải trả toàn bộ số nợ trên một lần. Xét thấy các đương sự đã thống nhất được số tiền phải trả nhưng không thống nhất được thời điểm và phương thức trả nợ nên cần buộc bị đơn trả số tiền gốc là 141.520.000đ theo quy định của pháp luật.

[4]. Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu theo mức lãi suất 10%/năm, thời điểm tính lãi suất tính từ ngày 16/01/2020 (ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 và Điều 357 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Như vậy, lãi suất cần áp dụng 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, cụ thể là 28 tháng 24 ngày (từ ngày 16/01/2020 đến ngày 10/6/2022), $141,520.000đ \times 0,83\% \times 28 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 33.828.940đ$ (làm tròn 33.829.000đ)

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 141.520.000đ tiền gốc và 33.829.000đ tiền lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHHMTV Thương mại Sản xuất V đối với anh Hoàng Minh T.

Buộc anh Hoàng Minh T phải trả cho Công ty TNHHMTV Thương mại Sản xuất V số tiền 175.349.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng*), trong đó 141.520.000đ (*Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền gốc và 33.829.000đ (*Ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tiền lãi

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Hoàng Minh T phải nộp 8.767.000 (*Tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Công ty TNHHMTV Thương mại Sản xuất V được nhận lại 4.288.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001420 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Văn Khiêm